

nhiều em ở hệ này đoạt giải trong các cuộc thi Olympic các môn học trong nước và quốc tế. Riêng tính từ năm 1974 đến năm 2004, trong 432 em dự thi Olympic quốc tế về các môn Toán, Lí, Hoá, Sinh, Tin học, tiếng Nga - có 362 em (83% các em dự thi) đoạt huy chương các loại, riêng huy chương vàng là 81 chiếc (chiếm 19,9%).

Riêng năm 2005, các đoàn học sinh, mỗi đoàn 4 hay 5 em, dự thi Olympic quốc tế về Toán, Lí, Sinh, tất cả các em đoạt huy chương. Trong 5 năm gần đây ở một vài trường đại học có các lớp chất lượng cao, các lớp cử nhân tài năng, kĩ sư, giáo sinh chất lượng cao.

Ngoài các trường phổ thông chuyên, còn có các trường chuyên nghệ thuật, thể thao.

e. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ có trình độ đại học sau đại học.

Một thành tích to lớn có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự nghiệp phát triển giáo dục là đã hình thành được đội ngũ nhà giáo đủ trình độ và giàu tâm huyết, đến nay đảm đương được việc giảng dạy cho toàn bộ hệ thống giáo dục, từ trẻ 6 tháng tuổi cho đến tiến sĩ. Đội ngũ này đến nay (2003-2004) có tất cả gần 1 triệu người (ngoài ra còn có hơn 600.000 cựu giáo chức), trong đó có hơn 40.000 cán bộ giảng dạy đại học, 45% số này là thạc sĩ và tiến sĩ, 1.131 giáo sư và 5.253 phó giáo sư 7 (kể cả đương nhiệm và về hưu hoặc chuyển ngành).

Đào tạo được đội ngũ trí thức tốt nghiệp đại học và sau đại học là một trong những kết quả đáng kể của nền giáo dục nhân dân trong 60 năm qua. Nếu trước năm 1945, đội ngũ tốt nghiệp đại học ở nước ta rất nhỏ nhoi, chừng vài nghìn người, và số người tốt nghiệp sau đại học đếm trên đầu ngón tay, thì sang thế kỉ XXI, nước nhà đã có gần 1 triệu người tốt nghiệp đại học, 39.011 thạc sĩ, khoảng trên 13.000 tiến sĩ và tiến sĩ khoa học, trong đó có khoảng 5000 được đào tạo ở nước ngoài, chủ yếu ở Liên Xô và khoảng 8.000 được đào tạo ở

trong nước.

g. Chỉ số phát triển người.

Thành tựu giáo dục đã góp phần quan trọng vào việc nâng chỉ số phát triển con người (HDI) của nước ta trong những năm qua (bảng 3).

Bảng 3: Chỉ số phát triển con người của Việt Nam

Năm	Chỉ số HDI	Thứ bậc so với các nước tham gia xếp hạng	Chỉ số giáo dục
1990	0,608	74/130 nước	
1995	0,539	120/ 174 nước	0,78
2000	0,671	108/174 nước	0,83
2004	0,691	112/177 nước	0,82

Nguồn: Báo cáo phát triển của UNDP công bố hàng năm (từ năm 1990)

h. Tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước cho giáo dục.

Sở dĩ giáo dục nước ta đạt được thành tựu như vừa kể trên, trước hết là do phát triển trên một nền móng xã hội rất thuận lợi, bắt nguồn từ truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, có tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối giáo dục đúng đắn coi "giáo dục là quốc sách hàng đầu" của Đảng và Nhà nước, trong đó có chính sách tài chính. Tuy đất nước còn nghèo, chưa phát triển nhưng hàng năm nhà nước đã tăng đầu tư từ ngân sách của Nhà nước cho giáo dục. Cuối những năm 80 thế kỉ trước mới có 5,6%, đến năm 2000 là 15%, năm 2005 hơn 17% và đang tiến tới 20%. Riêng về mặt vật chất, theo tính toán của ngân hàng thế giới, nhân dân đóng góp có thể lên tới 40% tổng chi phí cho giáo dục.

Bảng 4: Ngân sách Nhà nước chi giáo dục và đào tạo

	1998	2000	2002	2004
1. Tổng GDP, nghìn tỉ đồng	345	441	539	700
2. Tổng chi NSNN, nghìn tỉ đồng	80,8	108,9	147,3	186,7
3. Ngân sách GD&ĐT, nghìn tỉ đồng	11,1	14,5	21,6	34,4
4. Chi GD&ĐT trong GDP(%)	3,2	3,0	3,7	4,9
5. Chi GD&ĐT trong NSNN(%)	13,7	15,0	15,6	17,1
6. NSGD tính bình quân cho 1 đầu dân (đơn vị 1.000 đồng)	149	210	283	352

Nguồn: Báo cáo của Bộ Kế hoạch và đầu tư năm 2004

Tóm lại, thành tựu nổi bật tập trung trong 60 năm qua là nhà trường Việt Nam đã đào tạo nên các thế hệ thực hiện được các nhiệm vụ chiến lược của cách mạng: giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đổi mới đất nước.

4. Mâu thuẫn- thách thức- triển vọng

a. Mâu thuẫn, thách thức: Tuy nền giáo



dục nước nhà đã được công nhận là khá phát triển, nhất là so với trình độ phát triển kinh tế, nhưng hiện nay xã hội và Nhà nước đang đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ hơn nữa, nhất là bảo đảm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, đặc biệt là chất lượng đạo đức và năng lực hành động (tay nghề của những người tốt nghiệp các trường nghề, chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học). Muốn vậy, phải giải quyết các mâu thuẫn - các mất cân đối (thách thức) đang đặt ra với sự nghiệp "trồng người" như:

- Mất cân đối giữa phát triển kinh tế - xã hội và phát triển giáo dục; giữa mong muốn phát triển giáo dục thật nhanh chất lượng cao và chính sách đầu tư cho giáo dục; và giữa phổ cập giáo dục và các điều kiện thực hiện, giữa phát triển giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn.

- Mất cân đối giữa cơ cấu kinh tế - xã hội và cơ cấu giáo dục; giữa đòi hỏi của sự phát triển cơ cấu lao động và cơ cấu đào tạo; giữa đào tạo và sử dụng.

- Trong nội bộ ngành cũng như trong hoạt động dạy học cũng ngày càng bộc lộ nhiều mất cân đối, ảnh hưởng rõ rệt tới chất lượng giáo dục, như mất cân đối giữa yêu cầu giáo dục toàn diện và số lượng, cơ cấu đội ngũ giáo viên, giữa phát triển thể chất và tinh thần, giữa dạy lí thuyết và dạy thực hành, thực nghiệm, giữa kiến thức và kĩ năng lao động, giữa hiểu biết và kĩ năng hành động... của học sinh.

b. Triển vọng: Hiện nay, ngành GD đang tập trung vào việc thực hiện Chỉ thị 40 của Ban Bí thư, Chiến lược giáo dục 2001- 2010, Nghị quyết 37, 40 của Quốc hội, Quyết định của Thủ tướng chính phủ theo phương châm: chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, cụ thể là:

- Cải tổ hệ thống giáo dục hướng vào học suốt đời, hướng vào phát triển bền vững con người và nguồn nhân lực hội nhập và mở cửa, xây dựng xã hội học tập, phục vụ CNH, HĐH.

- Phổ cập giáo dục THCS, tiếp tục XMC, phổ cập tiểu học đúng độ tuổi, phát triển giáo dục cộng đồng (xây dựng trung tâm giáo dục cộng đồng, xây dựng xã hội học tập...).

- Tiểu học dạy đủ các môn, từng bước đưa các lớp, các cấp, trước hết là tiểu học, lên học 2 buổi/ ngày.

- Thực hiện Nghị quyết 40 của Quốc hội:

Tiếp tục xây dựng chương trình, biên soạn SGK các bậc học phổ thông.

- Tiếp tục thực nghiệm và chuẩn bị triển khai chủ trương phân ban ở THPT.

- Kiên cố hoá trường học (theo Quyết định của Thủ tướng)

- Tiếp tục cải cách, đánh giá, thi cử

- Tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục

- Tăng cường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng cộng đồng

- Chuẩn bị đổi mới giáo dục đại học và sau đại học theo hướng xây dựng mạng lưới hợp lí, tăng quy mô trên cơ sở bảo đảm chất lượng và hiệu quả kinh tế- xã hội (phục vụ việc phát triển nguồn nhân lực đi vào CNH, HĐH).

Tăng cường chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lí (theo chỉ thị 40 của Ban Bí thư, 2004), v.v...

Nền giáo dục nhân dân Việt Nam bước vào tuổi thập niên thứ 7 ở những năm đầu thế kỉ XXI với những triển vọng tốt đẹp, ngày càng đáp ứng lòng mong mỏi của mọi tầng lớp dân cư, tiếp tục đào tạo thế hệ con người Việt Nam có đầy đủ khả năng và tâm huyết tiếp tục xứng đáng với tất cả những gì do các thế hệ ông cha để lại, giữ gìn được nền độc lập của dân tộc, xây dựng một nước Việt Nam giàu mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Pitô.R.Mục. *Tăng cường giáo dục trong nước đang chuyển đổi, trong sách "Cải cách thị trường ở Việt Nam"* (tiếng Anh) do Jun.i.I.Litvác và Denis A Rôngđaineli chủ biên. NXB Quorum, Westport, Connecticut, London, 1999, tr. 95.
2. Đào Duy Oánh. *Sơ lược lịch sử giáo dục*. NXB Đại học quốc gia Hồ Chí Minh 2004, tr. 425- 456.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*. NXB. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
4. Phạm Minh Hạc (chủ biên). *Sơ thảo giáo dục Việt Nam (1945- 1990)*, Phạm Minh Hạc. *Giáo dục Việt Nam trước ngưỡng cửa thế kỉ XXI*. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, 2002.

SUMMARY:

The education of Vietnam after 1945 with following points: national education system, some outstanding achievements, contradictions, challenges and prospects of Vietnam education at present.